



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH, NGHỀ LOGISTICS – TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Chương trình GDNN dựa trên năng lực:
Áp dụng phương pháp của Australia

Hướng dẫn đọc và tham khảo chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp này được thí điểm xây dựng trong năm 2025 trong khuôn khổ Dự án “Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp logistics trong giáo dục nghề nghiệp” thuộc Chương trình Aus4Skills.

Chương trình này được thiết kế nhằm hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở GDNN hiểu sâu hơn về phương pháp tiếp cận đào tạo và đánh giá dựa theo năng lực (*Competency-Based Training and Assessment - CBTA*) của Australia đồng thời hỗ trợ việc cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp theo quy định của Việt Nam.

Để thuận tiện cho việc nghiên cứu, tham khảo tài liệu này, chúng tôi cung cấp hướng dẫn và làm rõ một số thuật ngữ như sau:

1. Hướng dẫn chung

Cấu trúc của chương trình theo mẫu của Australia (với mục đích như đề cập ở trên là nhằm hỗ trợ người học hiểu sâu hơn về phương pháp CBTA của Úc). Chương trình được thiết kế theo mô-đun nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên thông. Người đọc có thể thấy có nhiều điểm tương đồng về cấu trúc giữa chương trình của Australia và Việt Nam hiện nay đặc biệt mẫu chương trình đào tạo của Việt Nam theo thông tư 01/2024/TT-LĐTBXH hiện nay bao gồm bảng các năng lực.

Người học có thể tham khảo nội dung của chương trình đặc biệt là chuẩn đầu ra được xác định, các đơn vị năng lực trong tài liệu này khi xây dựng, cập nhật các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (GDNN) của Việt Nam do chương trình này được xây dựng căn cứ chuẩn đầu ra đối với *Bậc 4 Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)*, kết quả nghiên cứu tài liệu liên quan, thu thập ý kiến của doanh nghiệp logistics tại Việt Nam, ý kiến góp ý tham vấn của các chuyên gia, doanh nghiệp, cơ sở GDNN và tham khảo gói đào tạo Vận tải và Logistics của Australia.

2. Một số thuật ngữ trong Chương trình và hướng dẫn cụ thể

2.1. Điểm kết thúc sớm (Early Exit Point): Theo mô hình của Úc, để tăng tính linh hoạt, chương trình có thể xem xét cấp Giấy chứng nhận năng lực (Statement of Attainment) cho người học hoàn thành một nhóm các đơn vị năng lực cốt lõi nhưng không thể theo hết toàn bộ khóa học. Đây là một đề xuất quan trọng nhằm ghi nhận các kỹ năng mà người học đã đạt được và hỗ trợ họ trên con đường học tập suốt đời.

2.2. Về Khối lượng và thời lượng học tập (Volume of Learning)

Chương trình sử dụng các thuật ngữ theo Khung trình độ Australia (AQF) để mô tả thời lượng khóa học.

- **Số giờ có giám sát (Nominal/Supervised hours):** Là tổng thời gian dự kiến cho tất cả các hoạt động học tập và đánh giá có cấu trúc và có sự giám sát của giảng viên (lý thuyết trên lớp, thực hành tại

xưởng, học trực tuyến có hướng dẫn, các bài kiểm tra được giám sát). Thuật ngữ này tương đương với "thời gian thực học" theo cách hiểu thông thường tại Việt Nam.

- **Số giờ không có giám sát (Unsupervised hours):** Là thời gian ước tính mà một người học cần dành cho các hoạt động học tập có cấu trúc nhưng không có sự giám sát trực tiếp. Kết quả của các hoạt động này (bài tập, dự án, báo cáo thực tập,...) là một phần bằng chứng quan trọng trong quá trình đánh giá.

- **Tổng khối lượng học tập (Volume of Learning):** Là tổng của Số giờ có giám sát và Số giờ không có giám sát, phản ánh toàn bộ nỗ lực học tập mà người học cần đầu tư để hoàn thành chương trình.

- **Tín chỉ (Credits):** Hệ thống tín chỉ được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn tham chiếu chung, trong đó mỗi tín chỉ tương đương với một khối lượng học tập nhất định, bao gồm cả giờ có giám sát và không có giám sát, đảm bảo sự tương thích với các hệ thống tín chỉ quốc gia và khu vực.

2.3. Về kỹ năng nền tảng, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình

a. **Kỹ năng nền tảng (Foundation Skills):** Chương trình nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng nền tảng (như năng lực số, giải quyết vấn đề, giao tiếp,...). Để đảm bảo các kỹ năng này được tích hợp và đánh giá một cách có hệ thống, chương trình có ma trận đánh giá Kỹ năng nền tảng (Foundation Skills Mapping Matrix). Ma trận này sẽ chỉ rõ mỗi kỹ năng nền tảng được lồng ghép, giảng dạy và đánh giá trong những đơn vị năng lực cụ thể nào.

b. **Chuẩn đầu ra và Cấu trúc CTĐT:** Chương trình này có cấu trúc hơi khác so với mẫu quy định của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTĐBXH. Dưới đây là cách hiểu và ánh xạ các mục:

- **Mục 2. Kết quả dự kiến của chương trình (Vocational or educational outcomes):** Đây là mục tiêu tổng thể của chương trình.

Mục 2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình (Course outcomes): Mô tả các vị trí việc làm người học có thể đảm nhận và các năng lực cốt lõi mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Nội dung này tương đương với "Mục tiêu đào tạo cụ thể" và "Chuẩn đầu ra về Kiến thức, Kỹ năng, Mức độ tự chủ và trách nhiệm" theo quy định của Việt Nam.

- Đơn vị năng lực (Unit of Competency - UoC):

Mỗi UoC trong chương trình này có thể được sử dụng như Môn học/Mô-đun trong CTĐT của Việt Nam. Toàn bộ chương trình được xây dựng dựa trên việc phân tích các nhiệm vụ và công việc thực tế của ngành, từ đó hình thành nên các đơn vị năng lực cần trang bị cho người học.

+ **Năng lực tự chọn (Elective Units):** Năng lực tự chọn tương đương các Môn học/Mô-đun tự chọn trong hệ thống tín chỉ của Việt Nam. Chương trình cung cấp một danh sách các năng lực tự chọn đa dạng, từ đó người học sẽ lựa chọn một số lượng nhất định (ví dụ: chọn 3 trong 6 UoC) để hoàn thành khóa học. Các nhóm môn tự chọn này được thiết kế để người học có thể theo đuổi các định hướng chuyên sâu khác nhau như Vận tải quốc tế, Chi phí logistics, Nghiệp vụ giao nhận đường biển và hàng không hoặc Vận hành xe nâng, tùy thuộc vào thế mạnh và mục tiêu nghề nghiệp. Việc này không chỉ giúp người học định hướng chuyên sâu theo thế mạnh và sở thích cá nhân mà còn giúp chương trình đào tạo linh hoạt, đáp ứng được các nhu cầu chuyên biệt của thị trường lao động.

2.4. Về phương pháp giảng dạy và đánh giá

- **Tích hợp lý thuyết - thực hành:** Phương pháp giảng dạy chủ đạo là **tích hợp**. Các kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp được lồng ghép trong từng hoạt động học tập thông qua các bài tập tình huống, dự án mô phỏng thực tế. Do đó, chương trình không phân chia rạch ròi thành giờ lý thuyết và giờ thực hành cho từng môn học, mà tập trung vào việc hình thành năng lực toàn diện cho người học.

- **Đánh giá dựa trên năng lực (Competency-Based Assessment):** Việc đánh giá không chỉ tập trung vào việc người học "biết gì" mà quan trọng hơn là "làm được gì". Việc đánh giá sẽ được thực hiện liên tục thông qua nhiều hình thức (quan sát thực hành, đánh giá sản phẩm, bài tập tình huống, đóng vai, kiểm tra kiến thức,...) để thu thập đầy đủ bằng chứng về năng lực của người học.

2.5. Về đảm bảo chất lượng trong đào tạo và đánh giá

- Hoạt động xác nhận trong đánh giá kết quả học tập (Validation) (là hoạt động nhằm đảm bảo rằng đánh giá kết quả học tập là công bằng, đáng tin cậy và hợp lệ).

- Hoạt động điều chỉnh trong đánh giá kết quả học tập (Moderation) (là hoạt động nhằm đảm bảo tính nhất quán và công bằng trong đánh giá (ví dụ chấm chéo, họp để thống nhất)).

- Giám sát và Cải tiến liên tục: Chất lượng chương trình sẽ được giám sát thông qua các Chỉ số đo lường hiệu suất chính (KPIs) như: tỷ lệ hoàn thành khóa học, tỷ lệ có việc làm đúng ngành, và dữ liệu khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp tuyển dụng.

Mục lục

HƯỚNG DẪN ĐỌC VÀ THAM KHẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH	4
1.1. Tên của chương trình đào tạo	4
1.2. Thời lượng học tập danh nghĩa	4
2. KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (VOCATIONAL OR EDUCATIONAL OUTCOMES)	4
2.2. Nhu cầu của Ngành, Hệ thống giáo dục, Hệ thống pháp lý, Doanh nghiệp hoặc Cộng đồng	6
2.3. Bậc trình độ	7
2.4. Kỹ năng nền tảng	7
2.5 Cấu trúc chương trình đào tạo:	8
2.6. Yêu cầu đầu vào	11
3. ĐÁNH GIÁ, GIẢNG DẠY VÀ NGUỒN LỰC	12
3.1 Chiến lược đánh giá	12
3.2. Năng lực của đánh giá viên	13
3.3. Hình thức đào tạo	13
3.4. Nguồn lực	14
4. LỘ TRÌNH HỌC TẬP VÀ LIÊN THÔNG	16
5. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	16

1. Thông tin về chương trình

1.1. Tên của chương trình đào tạo

- Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp.
- Tên tiếng Anh: **Diploma of Logistics**

1.2. Thời lượng học tập danh nghĩa

- Số giờ học danh nghĩa (có giám sát):

Số giờ danh nghĩa (có giám sát) là số giờ dự kiến dành cho các hoạt động học tập và đánh giá có cấu trúc và có giám sát, bao gồm học trực tiếp, trực tuyến và đào tạo từ xa, như được liệt kê trong mục B của bảng cấu trúc chương trình đào tạo.

- + Số đơn vị năng lực bắt buộc (Core UOCs): **19**
- + Số đơn vị năng lực tự chọn (Elective UOCs): **03**
- + Tổng số giờ các đơn vị năng lực bắt buộc (Core UOCs): **735 giờ**
- + Tổng số giờ các đơn vị năng lực tự chọn (Electives UOCs): **90 giờ**.
- + **Tổng số giờ học danh nghĩa (có giám sát): 735 + 90 = 825 giờ.**

- Số giờ học không có giám sát (ước tính): 698 giờ

Số giờ không có giám sát là các hoạt động giúp đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà không có sự giám sát từ giáo viên hoặc chuyên viên đánh giá của cơ sở GDNN. Các hoạt động này bao gồm: thực hiện bài tập thực hành, tự ôn tập kiến thức, chuẩn bị cho các bài đánh giá, và quan sát thực tế tại doanh nghiệp (nếu có).

Khối lượng học tập:

- o 825 giờ (có giám sát) + 698 giờ (không có giám sát) = **1.523 giờ**.
- o Số tín chỉ (tham chiếu): **37 tín chỉ**

2. Kết quả dự kiến của Chương trình đào tạo (Vocational or Educational Outcomes)

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (course outcomes)

a. Các vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để thực hiện các tác nghiệp cụ thể, tuân thủ quy trình chuẩn trong lĩnh vực logistics dưới sự hướng dẫn và giám sát. Các vị trí công việc có thể đảm nhận bao gồm:

- Nhân viên Vận hành kho (thực hiện nhập, xuất, sắp xếp hàng hóa theo chỉ dẫn).
- Nhân viên Giao nhận Hiện trường (hỗ trợ các thủ tục giao nhận cơ bản).
- Nhân viên Vận hành thiết bị kho cơ bản (xe nâng tay, xe đẩy, máy quét mã vạch)
- Nhân viên Hành chính Logistics (hỗ trợ các công việc văn phòng cơ bản)
- Hoặc các vị trí tác nghiệp tương đương.
- Có khả năng làm việc cẩn thận, có trách nhiệm và tuân thủ các quy định về an toàn lao động.
- Có ý thức học hỏi để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

b. Chức năng/nhiệm vụ/kỹ năng chuyên môn (Năng lực cốt lõi):

- Vận dụng được kiến thức tổng quan cơ bản về logistics và chuỗi cung ứng vào các công việc cụ thể.

- Vận hành kho cơ bản: Thực hiện đúng quy trình nhập kho, xuất kho theo hướng dẫn (tiếp nhận chứng từ đơn giản, kiểm đếm hàng hóa, lấy hàng, đóng gói cơ bản); thực hiện sắp xếp và bảo quản hàng hóa cơ bản; tham gia kiểm kê hàng hóa dưới sự giám sát; tuân thủ quy định an toàn và vệ sinh kho (5S).

- Hỗ trợ giao nhận hiện trường: Hỗ trợ thực hiện các thủ tục giao/nhận hàng cơ bản tại hiện trường (cảng, kho bãi); giám sát cơ bản quá trình xếp/dỡ hàng; thu thập và bàn giao chứng từ hiện trường đơn giản; tuân thủ quy định tại nơi làm việc.

- Vận hành thiết bị kho cơ bản: Vận hành an toàn xe nâng tay, xe đẩy hàng; sử dụng máy quét mã vạch và thiết bị đầu cuối cầm tay ở mức độ cơ bản để ghi nhận thông tin theo hướng dẫn; tuân thủ quy trình và tham gia bảo trì thiết bị cơ bản.

- Xử lý thông tin và chứng từ cơ bản: Đọc hiểu và ghi nhận thông tin trên các chứng từ logistics đơn giản (phiếu nhập/xuất kho, phiếu giao hàng); nhập liệu cơ bản vào hệ thống hoặc sổ sách.

- An toàn và Tuân thủ: Áp dụng các biện pháp an toàn lao động, PCCC và an ninh hàng hóa cơ bản trong quá trình làm việc.

- Kỹ năng mềm cơ bản: Giao tiếp cơ bản tại nơi làm việc, làm việc theo nhóm nhỏ dưới sự phân công, tuân thủ kỷ luật lao động.

- Ngoại ngữ và Tin học: Sử dụng tin học văn phòng ở mức cơ bản (Word, Excel nhập liệu); nhận biết các thuật ngữ tiếng Anh rất cơ bản trong công việc.

2.2. Nhu cầu của Ngành, Hệ thống giáo dục, Hệ thống pháp lý, Doanh nghiệp hoặc Cộng đồng

Nhu cầu của Ngành,
Hệ thống giáo dục,
Hệ thống pháp lý,
Doanh nghiệp hoặc
Cộng đồng

Nhu cầu xây dựng và cập nhật Chương trình đào tạo ngành/nghề Logistics trình độ Trung cấp (Mã ngành: 5340113) được xác định dựa trên nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp về nguồn nhân lực có khả năng thực hiện các tác nghiệp cơ bản, tuân thủ quy trình trong chuỗi cung ứng. *Báo cáo Phân tích chi tiết nhu cầu từ 41 doanh nghiệp (thực hiện tháng 4/2025)* cho thấy nhu cầu cấp thiết về nhân lực có khả năng thực hành tác nghiệp tại kho, hiện trường; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình an toàn và có các kỹ năng tin học, ngoại ngữ cơ bản. Chương trình đã được tham vấn bởi các chuyên gia từ VLA, LIRC và các cơ sở GDNN uy tín, đảm bảo tính phù hợp và không trùng lặp với các chương trình hiện có.

Các phát hiện chính từ khảo sát doanh nghiệp đối với trình độ Trung cấp:

Tập trung vào VTVL thực hành, tác nghiệp: Doanh nghiệp yêu cầu nhân sự Trung cấp có khả năng thực hiện các công việc cụ thể tại kho (nhập, xuất, kiểm đếm, sắp xếp theo hướng dẫn), hỗ trợ giao nhận tại hiện trường, và vận hành các thiết bị kho đơn giản.

Nhấn mạnh kỹ năng thực hành và tuân thủ: Kỹ năng thực hiện đúng quy trình, vận hành an toàn thiết bị, tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn lao động và PCCC, thực hành 5S được doanh nghiệp đặc biệt quan tâm.

Yêu cầu về Tin học và Ngoại ngữ ở mức cơ bản: Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản (Word, Excel nhập liệu) và nhận biết các thuật ngữ tiếng Anh rất cơ bản là cần thiết. Doanh nghiệp không yêu cầu cao về năng lực số phức tạp hay ngoại ngữ thành thạo ở trình độ này.

Kiến thức nền tảng: Cần nắm vững quy trình nghiệp vụ cơ bản tại vị trí làm việc, các quy định an toàn, nhận biết chứng từ thông dụng và đặc tính cơ bản của hàng hóa.

Sự ủng hộ từ các bên liên quan:

Chương trình được xây dựng dựa trên sự phân tích nhu cầu của các doanh nghiệp và tham vấn ý kiến chuyên gia từ Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), Hội đồng tư vấn kỹ năng nghề Logistics (LIRC), các trường đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín đào tạo ngành Logistics,... đã xác nhận tính cấp thiết và sự phù hợp của các đề xuất cập nhật, nhằm đảm bảo người học sau tốt nghiệp có thể nhanh chóng hòa nhập và đáp ứng yêu cầu công việc ở vị trí tác nghiệp.

Tính không trùng lặp: Chương trình đào tạo Trung cấp này được thiết kế để cung cấp các năng lực nền tảng, thực hành, phân biệt rõ với yêu cầu cao hơn

về phân tích, quản lý và tự chủ của trình độ Cao đẳng.

Công tác thẩm định cuối cùng về cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo đã được thống nhất tại cuộc họp kiểm định chương trình đào tạo vào ngày 07/7/2025.

2.3. Bậc trình độ

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp được thiết kế để đảm bảo các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học tương ứng với **Bậc 4** trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

Cụ thể, sau khi hoàn thành chương trình, người học sẽ đạt được:

- **Kiến thức:** Có kiến thức thực tế, chuyên môn cơ bản về các nghiệp vụ logistics cụ thể được đào tạo (vận hành kho, giao nhận hiện trường, vận hành thiết bị); hiểu các khái niệm, nguyên lý và quy trình tác nghiệp thông thường trong phạm vi công việc.

- **Kỹ năng:** Có kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện các công việc có tính lặp lại, các nhiệm vụ cụ thể theo hướng dẫn và quy trình chuẩn; kỹ năng sử dụng các công cụ, thiết bị đơn giản; kỹ năng giao tiếp cơ bản và làm việc theo nhóm nhỏ dưới sự chỉ đạo.

- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Thực hiện công việc theo sự phân công, hướng dẫn và giám sát của cấp trên; chịu trách nhiệm cá nhân đối với kết quả công việc được giao; có khả năng tự điều chỉnh hành vi và áp dụng các biện pháp an toàn cơ bản.

Chương trình đào tạo này xác nhận rằng các kiến thức và kỹ năng được trang bị cho người học phù hợp với các yêu cầu của Bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF).

2.4. Kỹ năng nền tảng

Các kỹ năng nền tảng là bộ phận thiết yếu của mỗi đơn vị năng lực trong chương trình đào tạo này và sẽ được hình thành, phát triển và đánh giá tích hợp trong quá trình học tập các đơn vị năng lực. Các kỹ năng nền tảng chính bao gồm:

- + Kỹ năng đọc hiểu (Comprehension skills)
- + Kỹ năng viết (Writing skills)
- + Kỹ năng giao tiếp bằng lời nói (Oral communication skills)
- + Kỹ năng tính toán (Numeracy skills)
- + Kỹ năng học tập (Learning skills)
- + Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem-solving skills)
- + Kỹ năng đưa ra sáng kiến và kinh doanh (Initiative and enterprise skills)
- + Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)
- + Kỹ năng làm việc đa nhiệm (Multi - tasking skills)

- + Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức (Planning and organizing skills)
- + Kỹ năng tự quản lý (tuân thủ, cẩn thận) (Self-management skills)
- + Kỹ năng công nghệ (sử dụng thiết bị, phần mềm cơ bản) (Technology skills)

2.5 Cấu trúc chương trình đào tạo:

Để đạt trình độ Trung cấp ngành, nghề Logistics, người học phải hoàn thành **22 đơn vị năng lực**, bao gồm **19 đơn vị năng lực bắt buộc** (Core units) và **lựa chọn 03 trong số 06 đơn vị năng lực tự chọn** (Elective units) được liệt kê dưới đây.

Bảng cấu trúc chương trình đào tạo:

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Điều kiện tiên quyết (chính)	Số giờ danh nghĩa
ĐƠN VỊ NĂNG LỰC BẮT BUỘC (19 UoCs)			735
Nhóm Kiến thức & Kỹ năng chung (6 UoCs)			225
TCLOG.CORE.001	Nhận biết kiến thức cơ bản về Logistics và Chuỗi cung ứng	Không	45
TCLOG.CORE.002	Thực hiện quy định an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	Không	30
TCLOG.CORE.004	Phối hợp làm việc trong nhóm	CORE.005	30
TCLOG.CORE.005	Giao tiếp cơ bản tại nơi làm việc	Không	30
TCLOG.CORE.016	Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Không	45
TCLOG.CORE.018	Sử dụng Tiếng Anh giao tiếp cơ bản trong Logistics	Không	45
Nhóm Nghiệp vụ Vận hành Kho (7 UoCs)			285
TCLOG.CORE.003	Thực hiện biện pháp cơ bản về an ninh, an toàn hàng hóa	CORE.002	30
TCLOG.CORE.006	Thực hiện quy trình nhận và lưu trữ hàng hóa	CORE.001, 003	60

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Điều kiện tiên quyết (chính)	Số giờ danh nghĩa
TCLOG.CORE.007	Thực hiện sắp xếp và bảo quản hàng hóa cơ bản	CORE.002, 006	30
TCLOG.CORE.008	Thực hiện quy trình xuất hàng hóa	CORE.002, 007	60
TCLOG.CORE.009	Vận hành an toàn thiết bị kho đơn giản	CORE.002	30
TCLOG.CORE.010	Ghi nhận và xử lý thông tin hàng hóa đơn giản	CORE.001	45
TCLOG.CORE.011	Tham gia kiểm kê hàng tồn kho	CORE.002, 010	30
Nhóm Nghiệp vụ Hỗ trợ (6 UoCs)			225
TCLOG.CORE.012	Sử dụng phần mềm ứng dụng Logistics cơ bản	CORE.010	60
TCLOG.CORE.013	Hỗ trợ điều phối vận tải hàng hóa nội địa	CORE.001, 005, 010	30
TCLOG.CORE.014	Giao tiếp cơ bản với khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ Logistics	CORE.005	30
TCLOG.CORE.015	Hỗ trợ nghiệp vụ giao nhận hàng hóa tại hiện trường	CORE.002, 005, 010	30
TCLOG.CORE.017	Nhận biết và tra cứu chính sách thuế xuất nhập khẩu cơ bản	CORE.010, 016	45
TCLOG.CORE.019	Thực hành các nguyên tắc Logistics xanh cơ bản	CORE.001. 002	30
ĐƠN VỊ NĂNG LỰC TỰ CHỌN (Chọn 3 trong 6 UoCs)			90
TCLOG.ELEC.001	Hỗ trợ nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế	CORE.015, 018	30

Mã đơn vị năng lực (Đề xuất)	Tên đơn vị năng lực	Điều kiện tiên quyết (chính)	Số giờ danh nghĩa
TCLOG.ELEC.002	Ghi nhận và theo dõi chi phí logistics cơ bản	CORE.010, 016	30
TCLOG.ELEC.003	Nhận biết nghiệp vụ giao nhận hàng không và đường biển	CORE.001, 018	30
TCLOG.ELEC.004	Vận hành xe nâng (yêu cầu có chứng chỉ riêng)	CORE.002	30
TCLOG.ELEC.005	Hỗ trợ logistics trong thương mại điện tử	CORE.006, 008	30
TCLOG.ELEC.006	Tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng	CORE.001, 005	30
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			825

Khối lượng học tập:

- Số giờ danh nghĩa (có giám sát): **735 + 90 = 825 giờ**

- Số giờ không có giám sát: **698 giờ**

- **Tổng khối lượng học tập: 825 + 698 = 1.523 giờ**

Để hoàn thành chương trình đào tạo, người học cần tham gia các hoạt động không có giám sát, bao gồm:

- + Thực hiện các bài tập, dự án cá nhân và nhóm theo yêu cầu của từng đơn vị năng lực.
 - + Tự học, nghiên cứu tài liệu để mở rộng và củng cố kiến thức chuyên môn.
 - + Tìm hiểu thông tin, cập nhật các xu hướng mới và quy định của ngành Logistics.
 - + Thực hành các kỹ năng đã học vào các tình huống mô phỏng hoặc thực tế (thông qua các bài tập tình huống, dự án giả lập hoặc thực tập tại doanh nghiệp nếu có).
 - + Chuẩn bị cho các bài kiểm tra và đánh giá theo yêu cầu của chương trình.
- Số giờ danh nghĩa (có giám sát) là số giờ dự kiến dành cho các hoạt động học tập và đánh giá có cấu trúc và có giám sát, bao gồm học trực tiếp, trực tuyến và đào tạo từ xa, như được liệt kê trong mục B của bảng cấu trúc chương trình đào tạo.

- Số giờ không có giám sát là các hoạt động giúp đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà không có sự giám sát từ giảng viên hoặc chuyên viên đánh giá của cơ sở GDNN. Phải có nội

dung mô tả về các hoạt động này.

Các hoạt động thuộc số giờ có giám sát và không có giám sát:

Có giám sát (danh nghĩa)	Không có giám sát
Đào tạo và đánh giá trong Hệ thống Quản lý Học tập (LMS)	Thực hành tại kho, bãi, cảng văn phòng của doanh nghiệp
Đào tạo và đánh giá tại lớp học	Tham quan, thực tế tại doanh nghiệp
Kiểm tra trực tuyến	Hoàn thành tiểu luận, báo cáo, đề án
Hội thảo trực tuyến	Tự học để ôn tập và củng cố kiến thức
Các buổi học trực tuyến có giám sát	Thực hiện nghiên cứu để cập nhật thông tin về ngành
Thực hành tại phòng máy tính, phòng thực hành mô phỏng	Chuẩn bị cho các bài thuyết trình/báo cáo nhóm.
Buổi học với chuyên gia/doanh nghiệp (Guest lectures/Industry talks)	Hoàn thành các bài tập trực tuyến không đồng bộ (asynchronous online assignments).
Hướng dẫn đề án/dự án tốt nghiệp (nếu có)	

Điểm kết thúc sớm trong một khóa học (Early exit point):

Chương trình không thiết kế điểm kết thúc sớm chính thức. Tuy nhiên, người học hoàn thành một số đơn vị năng lực nhất định có thể được xem xét công nhận một phần khi chuyển sang các chương trình đào tạo khác có liên quan, theo quy định của cơ sở đào tạo và đơn vị tiếp nhận.

Cấp Giấy chứng nhận hoàn thành đơn vị năng lực:

Trong trường hợp người học chưa hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành/ngành Logistics, người học sẽ được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành cho bất kỳ đơn vị năng lực nào mà họ đã học và được đánh giá đạt yêu cầu.

2.6. Yêu cầu đầu vào

- Người học đã tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên theo quy định.
- Có đủ sức khỏe để theo học.
- Đối với học sinh khuyết tật: Chương trình đào tạo này phù hợp với người học có dạng khuyết tật vận động với mức độ khuyết tật nhẹ. Đối với các dạng tật và mức độ khuyết tật khác, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải tham vấn với các đơn vị có chuyên môn liên quan để tư vấn cho người học cho phù hợp.

3. Đánh giá, giảng dạy và nguồn lực

3.1 Chiến lược đánh giá

Việc đánh giá năng lực của người học trong Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp phải được thực hiện theo các tiêu chuẩn và quy định hiện hành của Việt Nam dành cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bao gồm các nguyên tắc đánh giá (hợp lệ, tin cậy, linh hoạt, công bằng) và quy định về bằng chứng (hợp lệ, xác thực, hiện hành, đầy đủ).

Chiến lược đánh giá của chương trình tập trung vào việc đánh giá khả năng thực hiện các công việc, tác nghiệp cơ bản, tuân thủ quy trình và đảm bảo an toàn trong các vị trí việc làm mục tiêu của trình độ Trung cấp. Các phương pháp đánh giá sẽ ưu tiên tính thực hành và quan sát trực tiếp.

Các phương pháp đánh giá chủ yếu được sử dụng bao gồm:

Phương pháp	Mô tả
Quan sát trực tiếp	1. Đánh giá thực tế, trực tiếp tại nơi làm việc.
	2. Đánh giá trong môi trường mô phỏng ngoài nơi làm việc nhưng phản ánh thực tế tại nơi làm việc.
	3. Đánh giá kỹ năng thực hành của người học khi thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại xưởng thực hành/phòng mô phỏng của trường hoặc tại doanh nghiệp trong quá trình thực tập (nếu có). Các tình huống thực hành phải phản ánh đúng yêu cầu công việc ở mức độ cơ bản.
Đánh giá dựa trên sản phẩm	1. Các hoạt động đánh giá có cấu trúc như báo cáo, trình bày, mẫu sản phẩm, đóng vai và thuyết trình.
	2. Đánh giá các sản phẩm do người học tạo ra trong quá trình thực hành (ví dụ: kiện hàng được đóng gói đúng cách, phiếu nhập/xuất kho được điền thông tin cơ bản, hàng hóa được sắp xếp theo chỉ dẫn).
Bài kiểm tra thực hành tích hợp	Kết hợp nhiều kỹ năng trong một bài kiểm tra mô phỏng một phần công việc thực tế.
Đặt câu hỏi (vấn đáp hoặc viết ngắn)	Đánh giá kiến thức lý thuyết cơ bản, sự hiểu biết về quy trình, các quy định an toàn và các thuật ngữ chuyên ngành đơn giản.
Portfolio (Hồ sơ học tập - ở mức độ đơn giản)	Khuyến khích người học thu thập các minh chứng về quá trình rèn luyện kỹ năng.

Các phương pháp đánh giá cụ thể cho từng đơn vị năng lực sẽ được chi tiết hóa, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 4) và tính chất thực hành của chương trình Trung cấp.

Đối với các đơn vị năng lực được triển khai đào tạo và đánh giá tại doanh nghiệp

Phương pháp, nội dung, quy trình và nguồn lực đánh giá phải được cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp thống nhất trên cơ sở yêu cầu của đơn vị năng lực mà hai bên phối hợp đào tạo, gắn với đặc thù và điều kiện cơ sở vật chất của doanh nghiệp, tuy nhiên phải đảm bảo các quy định về cơ sở vật chất và người đánh giá theo yêu cầu của nhà nước Việt Nam (quy định về trang thiết bị, chuẩn giảng viên, an toàn vệ sinh lao động,...).

Đối với các đơn vị năng lực được “nhập khẩu” hoặc tham khảo từ các gói đào tạo của Australia

Việc đánh giá các đơn vị năng lực được "nhập khẩu" hoặc tham khảo từ các gói đào tạo (TLI và BSB) của **Australia** sẽ được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh và tiêu chuẩn của Việt Nam, đồng thời vẫn giữ được tinh thần và yêu cầu cốt lõi của đơn vị năng lực gốc.

Công nhận kết quả học tập trước đây (RPL) và Chuyển đổi tín chỉ

Cơ sở đào tạo sẽ thực hiện quy trình công nhận kết quả học tập trước đây và chuyển đổi tín chỉ cho người học theo quy định hiện hành.

3.2. Năng lực của đánh giá viên

Chỉ những đánh giá viên đáp ứng các yêu cầu quy định theo Tiêu chuẩn và Quy định hiện hành của Việt Nam dành cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đánh giá viên giáo dục nghề nghiệp mới được thực hiện kiểm tra, đánh giá các đơn vị năng lực trong chương trình đào tạo này.

Các yêu cầu bổ sung về năng lực nghề nghiệp chuyên môn (nếu có, ví dụ)

Ngoài các chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng đánh giá theo quy định, các đánh giá viên tham gia đánh giá các đơn vị năng lực chuyên ngành Logistics trình độ Trung cấp cần phải có:

- Bằng cấp chuyên môn từ trình độ Cao đẳng trở lên thuộc ngành Logistics hoặc các ngành liên quan.

- Nắm vững các quy trình, kỹ thuật thực hành cơ bản của ngành.

Việc đánh giá các đơn vị năng lực được tham khảo từ các gói đào tạo quốc tế sẽ được thực hiện bởi các đánh giá viên đáp ứng các yêu cầu trên và hiểu rõ bối cảnh áp dụng của đơn vị năng lực đó tại Việt Nam ở trình độ Trung cấp.

3.3. Hình thức đào tạo

Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp được triển khai chủ yếu thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, tập trung vào thực hành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

- **Đào tạo tại chỗ (Internal delivery - Giảng dạy trực tiếp):**

+ Các buổi học lý thuyết cô đọng, tập trung vào kiến thức cốt lõi, dễ hiểu.

+ Phần lớn thời gian dành cho thực hành có hướng dẫn tại các xưởng/phòng thực hành mô phỏng của cơ sở đào tạo (ví dụ: thực hành vận hành xe nâng tay, sắp xếp hàng hóa trên kệ mẫu, làm quen với chứng từ, thực hành 5S).

+ Sử dụng các phương pháp trực quan, thao tác mẫu, làm theo hướng dẫn.

- Đào tạo tại nơi làm việc (Work-based learning):

+ Tổ chức các đợt kiến tập, thực tập ngắn hạn tại các doanh nghiệp logistics để người học quan sát và làm quen với môi trường làm việc thực tế, dưới sự giám sát chặt chẽ.

+ Tùy đặc thù và thế mạnh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhà trường chọn một số đơn vị năng lực, phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo tại doanh nghiệp. Đối với các đơn vị năng lực được triển khai đào tạo và đánh giá tại doanh nghiệp bắt buộc, nhà trường cần mô tả chi tiết trong chương trình đào tạo đơn vị năng lực tương ứng.

- Học tập kết hợp (Blended learning - ở mức độ hạn chế):

Có thể sử dụng hệ thống LMS để cung cấp tài liệu học tập, các video hướng dẫn thao tác, và các bài tập củng cố kiến thức đơn giản.

🚦 Các cơ chế hỗ trợ đào tạo:

Cơ sở đào tạo cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đối tượng người học trình độ Trung cấp:

+ **Hỗ trợ học thuật:** Giảng viên theo sát, hướng dẫn tận tình trong các giờ thực hành; có thể có các buổi ôn tập, giải đáp thắc mắc.

+ **Hỗ trợ kỹ năng nền tảng:** Chú trọng rèn luyện tính cẩn thận, kỷ luật, tác phong công nghiệp.

+ **Định hướng nghề nghiệp:** Giới thiệu về các vị trí việc làm phù hợp sau tốt nghiệp, cơ hội phát triển trong ngành.

+ **Hỗ trợ cho học sinh khuyết tật:** Trang bị xe lăn, vật dụng chuyên dụng cho việc đi lại của người học khuyết tật và các trang thiết bị hỗ trợ học tập như hệ thống máy tính chuyên dụng, máy dịch tiếng nói thành chữ,... nhằm hỗ trợ người học tiếp thu bài giảng một cách tốt nhất.

+ **Hỗ trợ người có kỹ năng nền tảng hạn chế:** (ví dụ: giảng viên, bạn học dành thời gian hỗ trợ người học này,...)

🚦 Bối cảnh hóa nội dung đào tạo:

Nội dung các đơn vị năng lực có thể được điều chỉnh nhẹ để phù hợp với các loại hình doanh nghiệp logistics phổ biến tại địa phương hoặc các loại hàng hóa thường gặp mà người học có thể sẽ làm việc sau này, đảm bảo người học được trang bị kỹ năng thực tế nhất.

3.4. Nguồn lực

Các cơ sở vật chất, trang thiết bị và năng lực của giảng viên cần thiết cho chương trình đào tạo này bao gồm:

- **Cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết:** Để đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ Trung cấp, cơ sở đào tạo cần có:

- **Phòng học lý thuyết:** Đủ ánh sáng, thoáng mát, có bảng, máy chiếu (nếu cần cho các nội dung trực quan).

- **Xưởng thực hành/Phòng mô phỏng nghiệp vụ Logistics (tập trung vào thực hành cơ bản):**

+ Không gian đủ rộng để thực hành sắp xếp hàng hóa, di chuyển thiết bị.

+ Kệ giá cơ bản, các loại hàng hóa mẫu (thùng carton, bao bì các loại).

+ Xe nâng tay, xe đẩy hàng các loại.

+ Máy quét mã vạch cầm tay (để làm quen).

+ Các loại chứng từ logistics đơn giản (phiếu nhập/xuất kho mẫu, biên bản giao nhận mẫu).

+ Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) đầy đủ cho thực hành.

+ Các phương tiện PCCC cơ bản (bình chữa cháy) để hướng dẫn sử dụng.

+ Kết nối với doanh nghiệp logistics đối với trang thiết bị đặc thù

- **Phòng máy tính:** Máy tính cài đặt phần mềm văn phòng cơ bản, có thể có phần mềm mô phỏng nhập liệu kho đơn giản.

- **Thư viện/Nguồn học liệu:** Sách giáo trình, tài liệu hướng dẫn thực hành dễ hiểu, tranh ảnh, video minh họa các thao tác nghiệp vụ.

- **Năng lực của giảng viên:**

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành/nghề Logistics trình độ Trung cấp phải đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành của Việt Nam dành cho nhà giáo dục nghề nghiệp.

Ngoài ra, giảng viên giảng dạy các đơn vị năng lực chuyên môn cần phải có:

+ Bằng cấp chuyên môn từ trình độ Cao đẳng trở lên thuộc ngành Logistics hoặc các ngành liên quan.

+ Kinh nghiệm làm việc thực tế sâu rộng tại các vị trí tác nghiệp trực tiếp trong lĩnh vực Logistics, có kỹ năng thực hành nghề tốt.

+ Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (nếu có) ở bậc phù hợp hoặc cao hơn.

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm giáo dục nghề nghiệp.

+ Khả năng truyền đạt dễ hiểu, hướng dẫn thực hành chi tiết, kiên nhẫn với người học.

4. Lộ trình học tập và liên thông

Lộ trình học tập trong chương trình:

Người học sẽ theo học các đơn vị năng lực bắt buộc (Core Units of Competency) và lựa chọn các đơn vị năng lực tự chọn (Elective Units of Competency) theo cấu trúc chương trình đã được phê duyệt. Chương trình được thiết kế để người học nắm vững các kỹ năng thực hành cơ bản trước khi chuyển sang các nội dung phức tạp hơn (nếu có).

Các lộ trình liên thông tiềm năng sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp và có bằng tốt nghiệp Trung cấp, người học có đủ điều kiện để liên thông lên trình độ Cao đẳng ngành, nghề Logistics hoặc các ngành tương đương tại các trường Cao đẳng, Đại học có tuyển sinh liên thông theo quy định hiện hành.

- Việc hoàn thành chương trình Trung cấp giúp người học có nền tảng vững chắc để tiếp tục học tập nâng cao trình độ và phát triển sự nghiệp trong ngành Logistics.

Thỏa thuận liên thông (nếu có): Cơ sở đào tạo khuyến khích người học sau tốt nghiệp Trung cấp tiếp tục học liên thông lên các trình độ cao hơn và sẽ hỗ trợ cung cấp thông tin về các chương trình liên thông phù hợp.

5. Giám sát và đánh giá

Giám sát và đánh giá thường xuyên

Chủ sở hữu chương trình đào tạo chịu trách nhiệm về việc giám sát và đánh giá thường xuyên Chương trình đào tạo ngành, nghề Logistics trình độ Trung cấp trong suốt thời gian chương trình được cấp phép triển khai, nhằm đảm bảo tính phù hợp, cập nhật và chất lượng của chương trình.

Quy trình giám sát và đánh giá bao gồm các hoạt động chính sau:

1/ Thu thập phản hồi định kỳ: Tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, bao gồm:

- Người học (về nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá, nguồn lực hỗ trợ).
- Giảng viên và đánh giá viên (về tính khả thi, những khó khăn và đề xuất cải tiến).
- Doanh nghiệp và cựu học sinh (về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của học sinh tốt nghiệp, các xu hướng mới của ngành).

2/ Rà soát nội dung chương trình: Hội đồng Khoa/Ngành hoặc Ban Phát triển Chương trình sẽ tiến hành rà soát toàn bộ nội dung chương trình, các đơn vị năng lực, chuẩn đầu ra ít nhất 1 lần/năm hoặc giữa chu kỳ kiểm định để so sánh với những thay đổi của công nghệ, quy định pháp luật, nhu cầu thị trường lao động và các tiêu chuẩn ngành mới.

3/ Đánh giá kết quả đầu ra: Phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, mức độ

hài lòng của doanh nghiệp sử dụng lao động.

4/ Tham vấn chuyên gia: Tổ chức các hội thảo, tọa đàm với các chuyên gia trong ngành, đại diện doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo khác để trao đổi, cập nhật thông tin và nhận các góp ý cải tiến chương trình.

Các bên liên quan chính tham gia vào quy trình giám sát và đánh giá bao gồm: Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo Chất lượng, Khoa/Bộ môn phụ trách ngành Logistics, giảng viên, đại diện người học và đại diện doanh nghiệp (nếu có hợp tác).

Cơ quan Quản lý Giáo dục nghề nghiệp (Phòng Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Cục Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) sẽ được thông báo về bất kỳ thay đổi, điều chỉnh nào được đề xuất đối với chương trình đào tạo xuất phát từ kết quả của các quy trình giám sát và đánh giá này. Nếu cần thiết, cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan cho cơ quan quản lý để hỗ trợ việc xác định liệu chương trình đào tạo có còn phù hợp và tiếp tục tuân thủ các Tiêu chuẩn theo quy định hay không.

Mọi điều chỉnh đối với chương trình đào tạo dựa trên kết quả giám sát và đánh giá, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sẽ được cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo kịp thời và đầy đủ đến bất kỳ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào khác (nếu có) được cấp phép hoặc nhượng quyền để giảng dạy chương trình đào tạo này.

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)

Ngành, nghề Logistics - Trình độ Trung cấp

TRÌNH ĐỘ (QUALIFICATION): Trung cấp Logistics

Mô tả (Description)

Chương trình này được thiết kế để trang bị cho người học kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để thực hiện các tác nghiệp cụ thể, tuân thủ quy trình chuẩn trong lĩnh vực logistics dưới sự hướng dẫn và giám sát. Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như Nhân viên vận hành kho, Nhân viên giao nhận hiện trường, Nhân viên vận hành thiết bị kho cơ bản.

Thời gian đào tạo (Duration)

Chương trình này được thực hiện theo hình thức đào tạo toàn thời gian trong một năm rưỡi (1.5 năm), tương đương 3 học kỳ.

Trình độ này bao gồm [Tổng số giờ Core + Tổng số giờ Elective người học chọn] giờ học toàn thời gian.

- Tổng số giờ UoC bắt buộc = 735 giờ (19 UoC)
- Tổng số giờ UoC tự chọn (người học chọn 3 UoC) = 90 giờ (3 UoC x 30 giờ/UoC)
- Vậy, tổng số giờ học tập (có giám sát) = 735 (Core) + 90 (Elective) = 825 giờ.
- Trình độ này bao gồm 825 giờ học toàn thời gian (có giám sát). (Con số này sẽ thay đổi tùy theo số lượng và thời lượng môn tự chọn quy định).

Bảng tổng hợp thời gian theo năm và học kỳ:

Trình độ này bao gồm 825 giờ học toàn thời gian.

Năm (Year)	Học kỳ (Semester)	Số tuần (Weeks)	Số giờ/tuần (Delivery hours)	Tổng số giờ (Total hours)
1	1 – Học kỳ I	18	~ 15.5	280
	2 – Học kỳ II	18	~ 15.5	280

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)
Ngành, nghề Logistics - Trình độ Trung cấp

Năm (Year)	Học kỳ (Semester)	Số tuần (Weeks)	Số giờ/tuần (Delivery hours)	Tổng số giờ (Total hours)
	Thi lại (Resits and resubmissions)	2-3		
2	3 – Học kỳ III	18	~ 14.7	265
	Thi lại (Resits and resubmissions)	2-3		
Tổng số giờ (Total hours)		54		825

(Lưu ý: Việc phân bổ 280-280-265 giờ/học kỳ là một phương án để cân đối. Nhà trường có thể linh hoạt điều chỉnh, ví dụ: 275-275-275 giờ/học kỳ)

Kế hoạch đào tạo (Delivery plan) - Phân bổ UoC vào các học kỳ và tuần (Trung cấp):

Đây là phần cần sự cân nhắc kỹ lưỡng về tính logic, thứ tự học (UoC tiên quyết học trước) và sự cân đối khối lượng học tập mỗi học kỳ.

Phân bổ sơ bộ các UoC Core (19 UoC = 735 giờ) và 03 UoC Elective (3 UoC = 90 giờ) vào 3 học kỳ (mỗi học kỳ khoảng 265 - 280 giờ, tương đương 7 - 9 UoC):

- Số giờ học trung bình/tuần: $825 \text{ giờ} / 54 \text{ tuần} = 14,7 - 15,5 \text{ giờ/tuần}$.
- Mỗi học kỳ 18 tuần * 15,5 giờ/tuần \approx 280 giờ hoặc 18 tuần * 14,7 giờ/tuần \approx 265 giờ
- 3 học kỳ * (265 giờ/học kỳ hoặc 280 giờ/học kỳ) = 825 giờ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)
Ngành, nghề Logistics - Trình độ Trung cấp

Delivery Plan

Năm 1 (Year 1)

(Học kỳ I: Nền tảng + Làm quen thực hành. Học kỳ II: Chuyên sâu nghiệp vụ kho)

Học kỳ	Tuần	Luồng 1: Kiến thức & Kỹ năng nền tảng	Luồng 2: Thực hành Nghiệp vụ kho	Luồng 3: Nghiệp vụ hỗ trợ (Cơ bản)	Tổng giờ/tuần
Học kỳ I (280 giờ)	1 - 3	CORE.001: Nhận biết kiến thức cơ bản về Logistics và Chuỗi cung ứng (45 giờ)			~15.5 giờ
	4 - 6	CORE.002: Thực hiện quy định an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp (30 giờ) CORE.005: Giao tiếp cơ bản tại nơi làm việc (15 giờ /P1)			~15.5 giờ
	7 - 9	CORE.005: Giao tiếp cơ bản tại nơi làm việc (15 giờ /P2) CORE.004: Phối hợp làm việc trong nhóm (30 giờ)			~15.5 giờ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)
Ngành, nghề Logistics - Trình độ Trung cấp

Học kỳ	Tuần	Luồng 1: Kiến thức & Kỹ năng nền tảng	Luồng 2: Thực hành Nghiệp vụ kho	Luồng 3: Nghiệp vụ hỗ trợ (Cơ bản)	Tổng giờ/tuần
	10 - 14	CORE.010: Ghi nhận và xử lý thông tin hàng hóa đơn giản (45 giờ)	CORE.003: Thực hiện biện pháp cơ bản về an ninh, an toàn hàng hóa (30 giờ)		~15.5 giờ
	15-18		CORE.009: Vận hành an toàn thiết bị kho đơn giản (30 giờ)	CORE.016: Sử dụng các ứng dụng CNTT cơ bản (35 giờ /P1)	~15.5 giờ
Học kỳ II (280 giờ)	1 - 4		CORE.006: Thực hiện quy trình nhận và lưu trữ hàng hóa (60 giờ)		~15.5 giờ
	5 - 8		CORE.008: Thực hiện quy trình xuất hàng hóa (60 giờ)		~15.5 giờ
	9 - 10		CORE.007: Thực hiện sắp xếp và bảo quản hàng hóa cơ bản (30 giờ)		~15.5 giờ
	11 - 12		CORE.011: Tham gia kiểm kê hàng tồn kho (30 giờ)		~15.5 giờ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)
Ngành, nghề Logistics - Trình độ Trung cấp

	13 - 16			CORE.012: Sử dụng phần mềm Logistics cơ bản (60 giờ)	~15.5 giờ
	17 - 18			CORE.016: Sử dụng các ứng dụng CNTT cơ bản (10 giờ /P2)	~15.5 giờ

Năm 2 (Year 2)

(Học kỳ III: Nghiệp vụ hỗ trợ, XNK và các môn tự chọn chuyên sâu)

Học kỳ	Tuần (Week)	Luồng 1: Nghiệp vụ hỗ trợ	Luồng 2: Nghiệp vụ XNK (Nhận biết)	Luồng 3: Môn tự chọn chuyên sâu	Tổng giờ/tuần
Học kỳ III (265 giờ)	1 - 2	CORE.013: Hỗ trợ điều phối vận tải hàng hóa nội địa (30 giờ)			~14.7 giờ
	3 - 4	CORE.015: Hỗ trợ nghiệp vụ giao nhận hàng hóa tại hiện trường (30 giờ)			~14.7 giờ
	5 - 6	CORE.014: Giao tiếp cơ bản với khách hàng và nhà cung cấp dịch vụ Logistics (30 giờ)			~14.7 giờ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (DELIVERY PLAN)
Ngành, nghề Logistics - Trình độ Trung cấp

Học kỳ	Tuần (Week)	Luồng 1: Nghiệp vụ hỗ trợ	Luồng 2: Nghiệp vụ XNK (Nhận biết)	Luồng 3: Môn tự chọn chuyên sâu	Tổng giờ/tuần
	7 - 8	CORE.019: Thực hành các nguyên tắc Logistics xanh cơ bản (30 giờ)			~14.7 giờ
	9 - 11		CORE.017: Nhận biết và tra cứu chính sách thuế xuất nhập khẩu cơ bản (45 giờ)		~14.7 giờ
	12 - 14		CORE.018: Sử dụng Tiếng Anh giao tiếp cơ bản trong Logistics (45 giờ)		~14.7 giờ
	15-18			ELEC.xxx: Môn tự chọn 1 (30 giờ) ELEC.xxx: Môn tự chọn 2 (30 giờ) ELEC.xxx: Môn tự chọn 3 (30 giờ)	~14.7 giờ

Lưu ý: Môn tự chọn thứ ba có thể kéo dài sang tuần đầu tiên của giai đoạn thực tập/tốt nghiệp hoặc được sắp xếp linh hoạt tùy theo kế hoạch của nhà trường để đảm bảo đủ 30 giờ.